

# QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO TRONG HIẾN PHÁP VIỆT NAM

ThS. PHẠM THỊ TÌNH\*

Nhà nước Việt Nam nhìn nhận tín ngưỡng, tôn giáo là một nhu cầu tinh thần chính đáng của con người, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân là chính sách nhất quán của Nhà nước. Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ là: “Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”. Thực tế đã khẳng định, Nhà nước ta luôn tôn trọng và bảo đảm quyền của các tín đồ được tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do thờ cúng. Chính sách này được cụ thể hóa bằng quy định của pháp luật qua từng thời kì mà trước hết là quy định của hiến pháp - Văn bản có hiệu lực pháp lí cao nhất.

Trong tổng số 70 điều, Hiến pháp năm 1946 đã trang trọng ghi nhận chế định quyền và nghĩa vụ của công dân tại Chương II với 18 điều. Điều 10 Hiến pháp quy định: “*Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú đi lại trong nước và ra nước ngoài*”. Lần đầu tiên trong lịch sử Nhà nước Việt Nam, các thành viên trong xã hội không phân biệt địa vị xã hội, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo đều được thừa nhận về mặt pháp lí, bình đẳng trên các phương diện chính trị, kinh tế - xã hội và được tham gia vào hoạt động chung của chính quyền nhà nước trên nguyên tắc: “Tất cả quyền bính trong nước thuộc về nhân dân”. Mặc dù quyền tự do tín

ngưỡng, tôn giáo trong Hiến pháp năm 1946 ghi nhận còn mang tính khái quát, chưa cụ thể và chưa hoàn thành các biện pháp bảo đảm thực hiện song sự hiện diện các quyền công dân trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo vẫn được xem là cốt lõi của bản hiến pháp dân chủ, khẳng định sự thành công trong lịch sử lập hiến Việt Nam.

Ra đời trong điều kiện hoàn cảnh mới, Hiến pháp năm 1959 đã kế thừa tư tưởng về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Hiến pháp năm 1946. Hiến pháp năm 1959 đã dành một điều khoản riêng quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Hiến pháp khẳng định quan điểm, chính sách cởi mở của Nhà nước về vấn đề này. Điều 26 Hiến pháp năm 1959 quy định: “*Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*”. Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo được bảo đảm thực hiện thông qua các quy định của hiến pháp về các quyền bầu cử, lập hội, hội họp. Hiến pháp khẳng định: Mọi công dân không phân biệt dân tộc, nòi giống, giới tính, thành phần xã hội, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng tài sản, tín ngưỡng, tôn giáo đều được tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ như: Quyền bầu cử, ứng cử, bình đẳng về việc làm, tự do báo chí, ngôn luận, lập hội, hội họp, biểu tình, bất khả xâm phạm tính mạng, danh dự, nhân phẩm...

\* Giảng viên chính Khoa hành chính - nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội

Kế thừa và phát triển quy định của Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 tiếp tục ghi nhận: “*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*” (Điều 68). Quy định này không chỉ khẳng định quan điểm nhất quán trong chính sách của Nhà nước về việc thừa nhận và bảo đảm quyền tự do cá nhân thiết yếu quan trọng của công dân mà còn khẳng định thái độ nghiêm khắc của nhà nước đối với những hành vi lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng.

Hiến pháp năm 1992 ra đời trong công cuộc đổi mới toàn diện của Đảng và Nhà nước. Với tinh thần mở rộng tự do dân chủ, khẳng định tính hiện thực của các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Điều 50 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật*”.

Việc chính thức thừa nhận của Nhà nước về quyền con người trong đạo luật cơ bản, không chỉ khẳng định sự hoàn thiện một bước chế định quyền và nghĩa vụ của công dân mà còn khẳng định chính sách nhất quán trước sau như một của Đảng và Nhà nước ta về quyền con người và quyền công dân đồng thời chủ động bác bỏ những luận điệu của các thế lực bên ngoài mượn tiếng nhân quyền, can thiệp công việc nội bộ, xuyên tạc chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Trên tinh thần phát huy dân chủ mở rộng các quyền tự do dân chủ của công dân, Hiến pháp năm 1992 quy định khá cụ thể quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Điều

70 Hiến pháp năm 1992 quy định: “*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật*”. Quy định này khẳng định chính sách cởi mở đối với tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước ta. Tín ngưỡng, tôn giáo có giá trị văn hóa, cũng là nhu cầu về đời sống tinh thần của một bộ phận không nhỏ trong nhân dân, nó đã, đang và sẽ tồn tại cùng sự phát triển của dân tộc. Đạo đức tôn giáo có nhiều điểm tiến bộ phù hợp với chuẩn mực đạo đức truyền thống, phù hợp với mục tiêu chung của xã hội. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là bảo đảm quyền tự do chính đáng của con người. Giữa tín ngưỡng và tôn giáo vừa có cái chung vừa có cái riêng, một tín ngưỡng chỉ trở thành tôn giáo khi có giáo lí, giáo luật và giáo hội. Vì vậy, Điều 70 không chỉ đơn thuần cho phép công dân tự do tín ngưỡng, mà còn mở rộng cho công dân khả năng tự do tôn giáo. Để đảm bảo cho công dân thực hiện quyền này, Hiến pháp đã bổ sung quy định: “*Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ*”. Khẳng định chính sách đúng đắn của nhà nước về tự do tín ngưỡng, tôn giáo đồng thời chủ động đấu tranh với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng, Hiến pháp khẳng định: “*Không ai được lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước*” đồng thời Điều 70 cũng ghi nhận: “*Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo*”.

Việt Nam là nước có nhiều tín ngưỡng và tôn giáo khác nhau, hiện có 6 tôn giáo lớn bao gồm: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Hồi

giáo, Cao đài và Phật giáo Hòa hảo. Tổng số tín đồ trong cả nước khoảng hơn 21 triệu người trong đó: Phật giáo: 10 triệu người, Công giáo: 5,5 triệu người, Tin lành: 1 triệu người, Cao đài: 2,4 triệu người, Phật giáo Hòa hảo: 1,6 triệu người và Hồi giáo: 65.000 người. Trong tổng số chức sắc và nhà tu hành là 62.468 người thì Phật giáo có 38.365 người; Công giáo là 15.058 người; Tin lành 492 người; Cao đài 7.350 người; Phật giáo Hòa hảo 534 người; Hồi giáo 669 người.<sup>(1)</sup> Như vậy, có thể thấy rằng các tín đồ tôn giáo trong cả nước là một bộ phận không tách rời của khối cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Lịch sử lập hiến Việt Nam là minh chứng hùng hồn thể hiện quyết tâm cao của Đảng và Nhà nước trong việc hiện thực hóa các quyền công dân trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo. Xuyên suốt lịch sử lập hiến, quyền con người trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn được đề cao và gắn liền với quyền dân tộc cơ bản được quy định trong Điều 1 Hiến pháp năm 1992. Quyền tồn tại một dân tộc không chỉ là tiền đề của quyền sống, quyền tồn tại của mỗi cá nhân mà còn là tiền đề của tất cả quyền con người. Những thành tựu to lớn mà Nhà nước ta đã đạt được trong bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã khẳng định quan điểm lập trường của Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng quyền con người, đấu tranh chống lại mọi luận điệu vu cáo, xuyên tạc chính sách nhân quyền của các thế lực phản động.

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước là cơ sở vững chắc cho việc tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các tôn giáo cùng tồn tại, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, bảo đảm cơ sở vật chất cho việc thực

hiện các quyền đó, “*Đồng bào có đạo hay không theo đạo đều là công dân Việt Nam, có quyền và nghĩa vụ bình đẳng như nhau trước pháp luật*”,<sup>(2)</sup> đồng thời quan điểm cũng khẳng định, các tín đồ tôn giáo phải nêu cao trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trước Tổ quốc và dân tộc: “*Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, “sống tốt đời, đẹp đạo*”.<sup>(3)</sup> Nhà nước ta cũng xác định tôn giáo là vấn đề tồn tại lâu dài, khá nhạy cảm cần được sự quan tâm thường xuyên sâu sắc của các cấp, các ngành, “*công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo*”.<sup>(4)</sup>

Nhằm mục đích bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân được ghi trong hiến pháp, Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 18/6/2004, có hiệu lực ngày 15/11/2004, đã cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kì đổi mới, đáp ứng đầy đủ hơn về nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo và tâm linh của nhân dân đồng thời đảm bảo sự tương thích với các văn bản pháp lí quốc tế về quyền con người. Trên cơ sở cụ thể hóa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và nghiêm cấm mọi hành vi xâm hại quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, cũng như hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, làm mất ổn định chính trị, ngày 01/3/2005 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP quy định chi tiết Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo. Ngày 4/2/2005 Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị 01/2005/CT-TTg về một số công tác đối với đạo tin lành, nghiêm cấm việc ép buộc

đồng bào theo đạo hoặc bỏ đạo, tạo điều kiện cho các tổ chức hội được xây dựng nơi thờ tự và đăng kí sinh hoạt tôn giáo.

Ngoài ra chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước còn được khẳng định trong nhiều văn bản pháp luật khác như: Luật bầu cử, Luật giáo dục, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật đất đai... Nguyên tắc không phân biệt đối xử vì lí do tôn giáo được thể hiện trên nhiều lĩnh vực như: Trong các quan hệ dân sự, lao động, hôn nhân gia đình. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, xuất bản kinh sách, sửa chữa và xây dựng nơi thờ tự theo quy định của pháp luật. Nhà nước chủ trương giao đất cho cộng đồng tín đồ sử dụng lâu dài và đất đai của tôn giáo không phải chịu thuế như các loại đất khác. Đồng thời pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, cưỡng ép dân theo đạo, bỏ đạo hoặc phân biệt đối xử với công dân vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo. Bộ luật hình sự quy định các hình phạt thích đáng với các tội danh có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Các quy định trên trong hệ thống pháp luật Việt Nam hoàn toàn phù hợp với tinh thần và nội dung về tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã được nêu trong Tuyên ngôn nhân quyền và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.

Thực tế hoạt động tôn giáo ở nước ta thời gian qua đã khẳng định: Mặc dù hoạt động tôn giáo ở một số địa phương còn dễ xảy ra một số vụ việc phức tạp, tuy nhiên nhìn chung các tôn giáo Việt Nam hiện nay hoạt động theo hướng đồng hành cùng dân tộc, tập trung củng cố tổ chức, nhân sự, củng cố đức

tin, phát triển tín đồ, củng cố cơ sở vật chất.

Trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của công dân Nhà nước ta đang nỗ lực thực hiện chính sách về quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo với những nội dung sau:

- Nhà nước Việt Nam thực hiện xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử tôn giáo, các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Mọi hành vi bị xử lí trước pháp luật (có liên quan đến tôn giáo) đều do cá nhân vi phạm pháp luật, việc xử lí là cần thiết nhằm bảo vệ trật tự xã hội, không có hiện tượng đàn áp tôn giáo;

- Nhà nước bảo đảm thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật đồng thời nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng, vi phạm pháp luật. Các tổ chức tôn giáo có tôn chỉ mục đích, định hướng hoạt động, cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;

- Nhà nước không ngừng giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tôn giáo phát triển, thực tế cho thấy số lượng các tín đồ, chức sắc tôn giáo ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng. Các tín đồ tự do hành lễ dù ở nhà riêng hay nơi thờ tự. Các cơ sở tôn giáo được xây dựng và sửa chữa, tổ chức tôn giáo phát triển và mở rộng quan hệ tôn giáo với các nước trên thế giới./.

---

(1). Ban tôn giáo Chính phủ báo cáo công tác năm 2005.

(2). Nghị quyết số 24-NQ/TU về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.

(3). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 9, Nxb. CTQG, H. 2001, T128.

(4). Nghị quyết số 24-NQ/TU về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.